

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *112* /BC-NSTP

Quảng Ngãi, ngày *13* tháng 4 năm 2026.

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:

+ Tên tiếng Việt: CÔNG TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM QUẢNG NGÃI

+ Tên tiếng Anh: Quang Ngai Agricultural Products and Foodstuff Joint Stock Company.

+ Tên viết tắt: APFCO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4300321643 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư Quảng Ngãi cấp đăng ký lần đầu ngày 26/12/2003, cấp thay đổi lần thứ 31 ngày 29/08/2025.

- Vốn điều lệ: 327.473.390.000 đồng *(Ba trăm hai mươi bảy tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng)*

- Địa chỉ: 48 Phạm Xuân Hòa, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Điện thoại: (0255) 33827308; 3822529

- Email: apfco@apfco.com.vn

- Website: www.apfco.com.vn và www.apfco.vn

- Mã cổ phiếu: APF

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi theo Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 25/12/2003 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Năm 2004: Đưa dự án đầu tư xây dựng Nhà máy SX tinh bột mì Sơn Hải (NM SX tinh bột mì Quảng Ngãi - Cơ sở 2) vào hoạt động.

- Năm 2005: Mua nhà máy SX tinh bột sắn Đăk Tô – Kon Tum (nay là tỉnh Quảng Ngãi).

- Năm 2006: Đưa dự án đầu tư Nhà máy SX tinh bột sắn Đồng Xuân vào hoạt động.

- Năm 2008: Mua NM SX tinh bột sắn Tân Châu - Tây Ninh và Chợ Quảng Ngãi.

- Năm 2012: Đưa Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cồn Đắk Tô vào hoạt động. Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào.
- Năm 2013: Mua lại Nhà máy SX tinh bột sắn An Khê và đưa vào hoạt động.
- Năm 2014: Mua và thành lập công ty con: Công ty TNHH Tinh bột sắn Kontum. Nhận bàn giao hoàn thành đầu tư xây dựng Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn - Lào; Và bàn giao lại chợ Quảng Ngãi cho UBND thành phố Quảng Ngãi.
- Năm 2015: Thành lập công ty con: Công ty TNHH tinh bột sắn Khánh Dương, Đắk Lắk và Công ty TNHH tinh bột sắn Gensun, Đắk Nông (nay là tỉnh Lâm Đồng).
- Năm 2016: Thành lập NM tinh bột sắn Đắk Song và NM tinh bột sắn Đồng Phú.
- Năm 2017: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên.
- Năm 2019: Góp vốn thành lập Công ty CP tinh bột sắn EaKar.
- Năm 2021: Sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông.
- Năm 2022: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu.
- Năm 2023: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy.
- Năm 2024: Thành lập Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone.
- Năm 2025: Góp vốn thành lập Công ty TNHH chế biến bột sắn Bachiang.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn (tinh bột mỳ các loại);
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm sau tinh bột (tinh bột biến tính, ethanol);
- Sản xuất và kinh doanh cồn thực phẩm;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp;

b. Địa bàn kinh doanh:

a) Trong nước:

- Tỉnh Quảng Ngãi:

- + Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi - Cơ sở 1;
- + Nhà máy sản xuất tinh bột mỳ Quảng Ngãi - Cơ sở 2;
- + Nhà máy cồn và tinh bột sắn Đắk Tô;
- + Công ty TNHH tinh bột sắn Kon Tum;
- + Xưởng Cơ Khí;
- + Trung tâm Thương mại Chợ Quảng Ngãi;

- Tỉnh Gia Lai:

- + Nhà máy tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 1;
- + Nhà máy tinh bột sắn Gia Lai - Cơ sở 2;

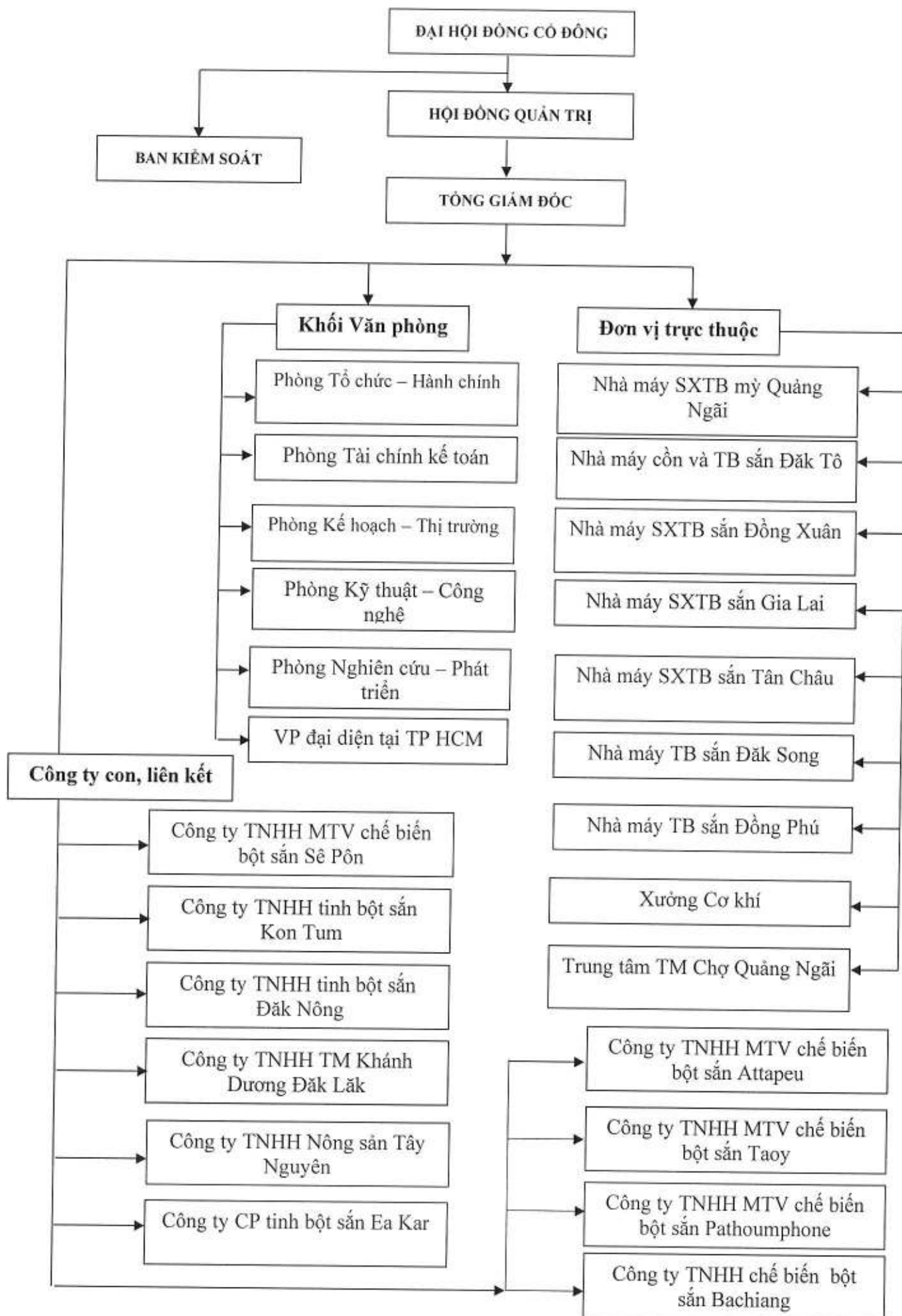
- Tỉnh Đắk Lắk:
 - + Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk;
 - + Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên;
 - + Công ty CP tinh bột sắn Eakar;
 - + Nhà máy SXTB tinh bột sắn Đồng Xuân;
- Tỉnh Lâm Đồng:
 - + Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song;
 - + Công ty TNHH tinh bột sắn Đắk Nông;
- Tỉnh Đồng Nai: Nhà máy tinh bột sắn Đồng Phú;
- Tỉnh Tây Ninh: Nhà máy SXTB tinh bột sắn Tân Châu;
- Thành phố Hồ Chí Minh: Văn phòng đại diện;
- b) Nước ngoài CHDCND Lào:
 - Tỉnh Savannakhet: Công ty TNHH MTV chế biến tinh bột sắn Sepon;
 - Tỉnh Attapeu: Công ty TNHH MTV chế biến tinh bột sắn Attapeu;
 - Tỉnh Salavan: Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy;
 - Tỉnh Champasack: Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone.
 - Tỉnh Champasack: Công ty TNHH chế biến bột sắn Bachiang.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát; và
- Tổng Giám đốc.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty TNHH MTV Chế biến tinh bột sắn Sê Pôn	Bản Oa-Lay, huyện Sê Pôn, tỉnh Savannakhets, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đăk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Tỉnh Lâm Đồng	Chế biến Tinh bột sắn	100%
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum	Thôn Bình Đông, tỉnh Quảng Ngãi	Chế biến Tinh bột sắn	51%
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đăk Lăk	Thôn 3, Xã M'Đrăk, tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	70%
5	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên	Thôn 2, Xã Ea kiết, Tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	20%
6	Công ty CP tinh bột sắn EKAR	Thôn 9, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đăk Lăk	Chế biến Tinh bột sắn	51%
7	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu	Bản Yaihuamuong, huyện Samakkhisay, tỉnh Attapeu, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
8	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy	Thôn Pangandao, huyện Taoy, tỉnh Salavan, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
9	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone	Bản Paktuay, huyện Pathoumphone, tỉnh Champasack, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	100%
10	Công ty TNHH chế biến bột sắn Bachiang	Bản Nongbokyai, huyện Bachiang, tỉnh Champasack, Lào	Chế biến Tinh bột sắn	80%

4. Định hướng phát triển:

* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Sản xuất và cung cấp ra thị trường trong nước và xuất khẩu tinh bột sắn, tinh bột biến tính lý, tinh bột biến tính hóa các loại và cồn thực phẩm đảm bảo các chỉ tiêu về an toàn vệ sinh thực phẩm và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Áp dụng công nghệ thiết bị tiên tiến, liên tục đào tạo nhân lực và áp dụng các giải pháp quản lý mới để hạ giá thành sản phẩm đem lại hiệu quả, lợi ích kinh tế cho nhà đầu tư, nông dân trồng sắn, người lao động và thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung đầu tư nguồn lực về con người và tài chính để mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm tinh bột sắn, tinh bột biến tính và cồn thực phẩm, phấn đấu trở thành một trong những nhà sản xuất và cung cấp tinh bột sắn hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

- Sản xuất tinh bột biến tính là hướng đi lâu dài của Công ty nhằm tăng tính hiệu quả, tăng giá trị cũng như tính cạnh tranh. Căn cứ vào thị trường, khách hàng cụ thể đầu tư phát triển các sản phẩm tinh bột biến tính đáp ứng nhu cầu công nghiệp và thực phẩm.

- Tăng tỷ trọng đầu tư sản xuất và kinh doanh tinh bột sắn các loại tại nước CHDCND Lào.

*** Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Xác định việc đầu tư cho xử lý môi trường là trách nhiệm xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy trong những năm qua Công ty đã triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ tiên tiến để xử lý hết lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất của các nhà máy đảm bảo nước thải sau khi được xử lý sẽ đáp ứng yêu cầu Quy chuẩn trước khi thải ra môi trường; Đầu tư hệ thống ép sấy bã trong tất cả các Nhà máy toàn Công ty, đến thời điểm này toàn bộ lượng bã phát sinh trong quá trình sản xuất được sấy khô để cung cấp cho các cơ sở sản xuất thức ăn gia súc.

- Luôn cập nhật các giải pháp xử lý môi trường mới phục vụ trước mắt cũng như lâu dài. Đầu tư kinh phí thích đáng để giải quyết công tác môi trường.

- Nghiên cứu, tính toán áp dụng công nghệ mới để tiết kiệm điện, nước trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên đất trong xử lý môi trường.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với cộng đồng thông qua đóng góp các phúc lợi xã hội.

5. Các rủi ro:

*** Thế giới:**

- Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, chiến tranh Nga - Ukraine kéo dài, xung đột Israel - Hamas bất ổn vùng Trung đông, chính sách thuế của Mỹ... làm cho kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, thương mại toàn cầu có xu hướng giảm. Nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, tăng chi phí logistic. Giá hàng hóa, nông sản thực phẩm nhiều biến động và rất khó dự báo.

- Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm, sản xuất và xuất khẩu giảm. Bên cạnh đó giá ngô ở mức thấp nên nhu cầu và giá tinh bột sắn xu hướng giảm.

*** Trong nước:**

- Chi phí: Điện, tiền lương và vận chuyển đều tăng.

- Vùng nguyên liệu sắn ở Việt Nam, Thái Lan và Campuchia đều giảm sản lượng, cạnh tranh nguyên liệu trong nước ngày càng tăng. Vùng nguyên liệu Nam Lào có khả năng tăng diện tích, sản lượng trong vụ tới.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025		TH/KH (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	6.697.020	6.000.000	6.633.998	110,6
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	94.043	100.000	107.250	107,3
3. Khấu hao	Tr. đồng	87.027	90.000	90.125	100,1
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Tr. đồng	152.901	180.000	158.177	87,9
5. Khấu hao hợp nhất	Tr. đồng	139.002	160.000	156.058	97,5
6. Vốn điều lệ	Tr. đồng	297.705	327.470	327.473	100,0
7. Cổ tức	Đồng/CP	3.500	2.500-3.000	3.500	100,0
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.100	13.000	12.300	94,6
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	549.390	555.000	592.266	106,7
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	287.888	278.000	280.611	100,9
- Tinh bột thường	Tấn	213.382	200.000	218.751	109,4
- Tinh bột biến tính	Tấn	74.506	78.000	61.860	79,3
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	261.502	277.000	311.655	112,5
10. Cồn thực phẩm	m ³	11.335	12.000	11.807	98,4

1.2 Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu:

- Lợi nhuận công ty mẹ đạt 107,3% kế hoạch và 114,0% so với năm trước; lợi nhuận hợp nhất đạt 87,9% kế hoạch và 103,5% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bột, giá bã sắn giảm sâu, giá bột tồn kho năm trước cao, chi phí lãi vay cao. Tuy vậy nhờ sản lượng tiêu thụ tăng và hiệu quả SX-KD được cải thiện trong các tháng cuối năm, nhất là các nhà máy tại Lào nên lãi hợp nhất tăng hơn năm trước. Các nhà máy, công ty con trong nước hiệu quả thấp.

- Sản lượng tinh bột sắn đạt 106,7% kế hoạch và đạt 107,8% so với năm 2024, trong 6 tháng đầu năm sản lượng đạt cao, trong 6 tháng cuối năm các nhà máy khu vực Kon Tum, Gia Lai sản lượng thấp nên không đạt kế hoạch. Các nhà máy ở Lào đều đạt và vượt kế hoạch. Tinh bột sắn biến tính chỉ đạt 79,3% kế hoạch và 83,0% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do cạnh tranh giá gay gắt với các nhà máy mới tại Trung Quốc và các nhà máy mới ở Việt Nam.

- Sản lượng tiêu thụ đạt 651.100 tấn, đạt 108,5% kế hoạch và tăng trưởng 137,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên doanh thu chỉ đạt 110,6% kế hoạch và đạt 99,1% so với năm trước, nguyên nhân là do giá bán giảm.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Hội đồng quản trị:

- Ông: Võ Văn Danh Chủ tịch HĐQT
- Ông: Trần Ngọc Hải Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Nguyễn Đức Thắng Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông: Đồng Văn Lập Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Ngọc Hình Thành viên HĐQT
- Ông: Lê Tuấn Toàn Thành viên HĐQT
- Ông: Trần Đức Thạch Thành viên HĐQT

2.2 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Ông: Trần Ngọc Hải Tổng Giám đốc
- Ông: Đồng Văn Lập Phó Tổng Giám đốc

- Ông: Lê Ngọc Hình Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Trần Đức Thạch Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Phạm Quốc Tàu Kế toán trưởng

2.3 Ban Kiểm soát:

- Ông: Phạm Văn Lâm Trưởng Ban kiểm soát
- Ông: Nguyễn Thanh Thành viên
- Ông: Nguyễn Văn Thái Thành viên

2.4. Danh sách ban điều hành

* Ông: Trần Ngọc Hải

Ngày tháng năm sinh : 01/01/1973
 Địa chỉ thường trú : 180 Trương Quang Trọng, Nghĩa Lộ, Quảng Ngãi
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 674.738 CP, tỷ lệ: 2,06%

* Ông: Đồng Văn Lập

Ngày tháng năm sinh : 26/02/1976
 Địa chỉ thường trú : 581/26 Quang Trung, Cẩm Thành, Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 289.869 CP, tỷ lệ: 0,89%

* Ông: Lê Ngọc Hình

Ngày tháng năm sinh : 10/8/1977
 Địa chỉ thường trú : Thôn Lương Nông Nam, xã Mỏ Cày, Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Hóa học
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu 555.000 CP, tỷ lệ: 1,69%

* Ông: Trần Đức Thạch

Ngày tháng năm sinh : 20/5/1974
 Địa chỉ thường trú : Tổ Dân phố 2, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt Nam
 Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc
 Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 386.761 CP, tỷ lệ: 1,18 %

*** Ông: Phạm Quốc Tàu**

Ngày tháng năm sinh : 10/12/1979
Địa chỉ thường trú : Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Dân tộc : Kinh
Quốc tịch : Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng
Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu : Sở hữu: 140.200 CP, tỷ lệ: 0,43%

(Ghi chú: Số cổ phần sở hữu được tính tại thời điểm chốt danh sách 19/3/2026).

2.5. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2025: Không có thay đổi

2.6. Số lượng cán bộ nhân viên:

Lao động sử dụng bình quân toàn công ty trong năm 2025 là 1.420 lao động, trong đó công ty mẹ là 789 lao động và các công ty con là 631 lao động.

2.7. Chính sách đối với người lao động:

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

- Chính sách đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn hỗ trợ, khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.

- Chính sách lương, thưởng: Hằng năm Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đơn giá tiền lương và thực hiện chính sách phân phối lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người.

- Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động: Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phúc lợi của người lao động, ngoài việc đóng Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội, công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn lao động, Lãnh đạo Công ty cùng Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ cấp, tặng quà cho gia đình CBCNV khi gặp khó khăn, hoạn nạn hoặc hiếu hỷ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các dự án đầu tư lớn:

- Đầu tư cải tạo nâng cấp nhà xưởng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VSATTP tại các Nhà máy tinh bột sắn Đắk Song; Đồng Phú và Đồng Xuân; Đầu tư mở rộng kho thành phẩm tại Công ty Taoy.

- Đầu tư Phát điện từ Biogas công suất 1.5MW tại Công ty Attapeu dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2026; Đầu tư hồ CIGAR 3 tại Nhà máy Attapeu đã hoạt động sinh gas hiệu quả.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
I	Công ty con		
1	Công ty TNHH MTV Chế biến Tinh bột sắn Sê Pôn		
a	Tổng cộng tài sản	410.479.145.263	
	- Tài sản ngắn hạn	183.687.471.025	
	- Tài sản dài hạn	226.791.674.238	
b	Tổng cộng nguồn vốn	410.479.145.263	
	- Nợ phải trả	226.062.302.046	
	- Vốn chủ sở hữu	184.416.843.217	
	+ Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu	99.465.980.589	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	742.144.269.238	
	- Lợi nhuận trước thuế	87.830.088.243	
	- Lợi nhuận sau thuế	87.830.088.243	
2	Công ty TNHH Tinh bột sắn Kon Tum		
a	Tổng cộng tài sản	155.228.830.853	
	- Tài sản ngắn hạn	89.781.007.729	
	- Tài sản dài hạn	65.447.823.124	
b	Tổng cộng nguồn vốn	155.228.830.853	
	- Nợ phải trả	84.017.895.413	
	- Vốn chủ sở hữu	71.210.935.440	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	47.848.094.338	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	378.000.543.609	
	- Lợi nhuận trước thuế	2.176.969.058	
	- Lợi nhuận sau thuế	2.176.969.058	
3	Công ty TNHH Tinh bột sắn Đắk Nông		
a	Tổng cộng tài sản	54.882.776.770	
	- Tài sản ngắn hạn	39.106.027.541	
	- Tài sản dài hạn	15.776.749.229	
b	Tổng cộng nguồn vốn	54.882.776.770	
	- Nợ phải trả	24.234.303.617	
	- Vốn chủ sở hữu	30.648.473.153	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.577.322.573	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	128.988.605.725	
	- Lợi nhuận trước thuế	6.774.970.666	
	- Lợi nhuận sau thuế	6.760.425.211	
4	Công ty TNHH Thương mại Khánh Dương Đắk Lắk		
a	Tổng cộng tài sản	113.104.272.521	
	- Tài sản ngắn hạn	51.113.652.422	
	- Tài sản dài hạn	61.990.620.099	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
b	Tổng cộng nguồn vốn	113.104.272.521	
	- Nợ phải trả	56.288.057.632	
	- Vốn chủ sở hữu	56.816.214.889	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	299.487.092.033	
	- Lợi nhuận trước thuế	(1.785.344.230)	
	- Lợi nhuận sau thuế	(1.785.344.230)	
5	Công ty CP Tinh bột sắn Eakar		
a	Tổng cộng tài sản	81.255.604.346	
	- Tài sản ngắn hạn	53.273.343.520	
	- Tài sản dài hạn	27.982.260.826	
b	Tổng cộng nguồn vốn	81.255.604.346	
	- Nợ phải trả	37.382.677.813	
	- Vốn chủ sở hữu	43.872.926.533	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	33.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	298.935.046.828	
	- Lợi nhuận trước thuế	5.350.165.229	
	- Lợi nhuận sau thuế	5.350.165.229	
6	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Attapeu		
a	Tổng cộng tài sản	360.668.945.478	
	- Tài sản ngắn hạn	135.121.913.994	
	- Tài sản dài hạn	225.547.031.484	
b	Tổng cộng nguồn vốn	360.668.945.478	
	- Nợ phải trả	254.414.493.611	
	- Vốn chủ sở hữu	106.254.451.867	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.991.892.590	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	403.037.168.557	
	- Lợi nhuận trước thuế	11.379.837.807	
	- Lợi nhuận sau thuế	11.379.837.807	
7	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Taoy		
a	Tổng cộng tài sản	338.332.207.407	
	- Tài sản ngắn hạn	82.931.352.043	
	- Tài sản dài hạn	255.400.855.364	
b	Tổng cộng nguồn vốn	338.332.207.407	
	- Nợ phải trả	192.418.800.099	
	- Vốn chủ sở hữu	145.913.407.308	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.918.976.251	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	515.280.676.855	
	- Lợi nhuận trước thuế	33.172.579.274	

STT	Diễn giải	Số tiền	Ghi chú
	- Lợi nhuận sau thuế	33.172.579.274	
8	Công ty TNHH MTV chế biến bột sắn Pathoumphone		
a	Tổng cộng tài sản	6.632.883.736	
	- Tài sản ngắn hạn	4.058.506.526	
	- Tài sản dài hạn	2.574.377.210	
b	Tổng cộng nguồn vốn	6.632.883.736	
	- Nợ phải trả	6.632.883.736	
	- Vốn chủ sở hữu		
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu		
	- Lợi nhuận trước thuế		
	- Lợi nhuận sau thuế		
9	Công ty TNHH chế biến bột sắn BaChiang		
a	Tổng cộng tài sản	5.838.340.000	
	- Tài sản ngắn hạn	3.781.800.856	
	- Tài sản dài hạn	2.056.539.144	
b	Tổng cộng nguồn vốn	5.838.340.000	
	- Nợ phải trả	5.838.340.000	
	- Vốn chủ sở hữu		
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu		
	- Lợi nhuận trước thuế		
	- Lợi nhuận sau thuế		
II	Công ty liên kết		
I	Công ty TNHH Nông sản Tây Nguyên		
a	Tổng cộng tài sản	140.807.131.482	
	- Tài sản ngắn hạn	73.531.993.433	
	- Tài sản dài hạn	67.275.138.049	
b	Tổng cộng nguồn vốn	140.807.131.482	
	- Nợ phải trả	54.365.053.976	
	- Vốn chủ sở hữu	86.442.077.506	
	+ Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	
c	Chỉ tiêu về kinh doanh		
	- Tổng doanh thu	360.404.788.853	
	- Lợi nhuận trước thuế	11.315.755.175	
	- Lợi nhuận sau thuế	11.315.755.175	

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính: ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	3.410.662.128.239	3.311.849.365.868	97,1%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Doanh thu thuần	6.562.094.461.007	6.581.738.902.063	100,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161.892.428.133	167.792.246.970	103,6%
Lợi nhuận khác	(273.766.060)	(95.583.369)	34,9%
Lợi nhuận trước thuế	161.618.662.073	167.696.663.601	103,8%
Lợi nhuận sau thuế	156.034.258.176	161.330.204.128	103,4%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,92	0,99	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,28	0,56	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,97	1,63	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,79	4,17	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,92	1,99	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,13	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số CP đang lưu hành tại thời điểm 19/3/2026 là: 32.747.339 CP. Trong đó CP hạn chế chuyển nhượng: 1.127.699 CP.

Cụ thể: Cổ phiếu ESOP 2022: 1.127.699 CP. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ 10/01/2024 đến 10/01/2027.

b) Cơ cấu cổ đông: Tại thời điểm 19/3/2026.

STT	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ		
	Cổ đông lớn	5.878.230	17,95%
	Cổ đông nhỏ	26.869.109	82,05%
2	Cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân		
	Cổ đông tổ chức	461.865	2,4%
	Cổ đông cá nhân	32.285.474	98,6%

STT	Diễn giải	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
3	Cơ cấu cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài		
	Cổ đông trong nước	32.747.339	100,00%
	Cổ đông nước ngoài		
4	Cổ đông Nhà nước, cổ đông khác		
	Cổ đông Nhà nước		
	Cổ đông khác	32.747.339	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2025, Công ty đã 01 lần tăng vốn:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức 2024, tăng vốn điều lệ từ 297.705.780.000 đồng lên 327.473.390.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e. Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2025:

1.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025		TH/KH (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	6.697.020	6.000.000	6.633.998	110,6
2. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	94.043	100.000	107.250	107,3
3. Khấu hao	Tr. đồng	87.027	90.000	90.125	100,1
4. LN sau thuế C.ty mẹ (HN)	Tr. đồng	152.901	180.000	158.177	87,9
5. Khấu hao hợp nhất	Tr. đồng	139.002	160.000	156.058	97,5
6. Vốn điều lệ	Tr. đồng	297.705	327.470	327.473	100,0
7. Cổ tức	Đồng/CP	3.500	2.500-3.000	3.500	100,0
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.100	13.000	12.300	94,6
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	549.390	555.000	592.266	106,7
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	287.888	278.000	280.611	100,9
- Tinh bột thường	Tấn	213.382	200.000	218.751	109,4
- Tinh bột biến tính	Tấn	74.506	78.000	61.860	79,3
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	261.502	277.000	311.655	112,5
10. Cồn thực phẩm	m3	11.335	12.000	11.807	98,4

1.2 Đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh:

- Lợi nhuận công ty mẹ đạt 107,3% kế hoạch và 114,0% so với năm trước; lợi nhuận hợp nhất đạt 87,9% kế hoạch và 103,5% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do giá bột, giá bã sắn giảm sâu, giá bột tồn kho năm trước cao, chi phí lãi vay cao. Tuy vậy nhờ sản lượng tiêu thụ tăng và hiệu quả SX-KD được cải thiện trong các tháng cuối năm, nhất là các nhà máy tại Lào nên lãi hợp nhất tăng hơn năm trước. Các nhà máy, công ty con trong nước hiệu quả thấp.

- Sản lượng tinh bột sắn đạt 106,7% kế hoạch và đạt 107,8% so với năm 2024, trong 6 tháng đầu năm sản lượng đạt cao, trong 6 tháng cuối năm các nhà máy khu vực Kon

Tum, Gia Lai sản lượng thấp nên không đạt kế hoạch. Các nhà máy ở Lào đều đạt và vượt kế hoạch.

- Sản lượng Tinh bột sản biến tính không đạt kế hoạch, chỉ đạt 79,3% kế hoạch và 83,0% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do cạnh tranh giá gay gắt với các nhà máy mới tại Trung Quốc và các nhà máy mới ở Việt Nam.

- Sản lượng tiêu thụ đạt 651.100 tấn, đạt 108,5% kế hoạch và tăng trưởng 137,3% so với cùng kỳ. Tuy nhiên doanh thu chỉ đạt 110,6% kế hoạch và đạt 99,1% so với năm trước, nguyên nhân là do giá bán giảm sâu.

- Công tác thị trường và khách hàng có chuyên biến tích cực;
- Năng lực logistic đáp ứng yêu cầu nhưng chi phí còn cao;
- Quản lý mua nguyên liệu sản tươi chặt chẽ; Giá mua được điều chỉnh linh hoạt theo thị trường đảm bảo giá thành hợp lý;
- Công tác đầu tư vùng nguyên liệu tại Lào mang lại nhiều hiệu quả;
- Quản lý sản xuất theo quy trình, đảm bảo các định mức kinh tế kỹ thuật;
- Nhờ đầu tư thiết bị và sắp xếp lại lại thiết bị nên:
 - + Chất lượng sản phẩm được giữ vững ổn định, các chỉ tiêu chất lượng không biến đổi nhiều sau thời gian lưu kho;
 - + Tạp chất trong bột thành phẩm giảm đáng kể so với 2024 đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
 - + Giảm được định mức điện, vật tư;
 - + Tăng tỷ lệ thu hồi thành phẩm.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ SS
Tài sản ngắn hạn	1.959.922.463.082	1.845.414.595.457	94,2%
Vốn bằng tiền	88.415.063.076	200.108.132.014	226,3%
Các khoản phải thu	406.084.146.340	674.854.177.944	166,2%
Hàng tồn kho	1.357.165.023.848	798.416.075.421	58,8%
Tài sản ngắn hạn khác	108.258.229.818	172.036.210.078	158,9%
Tài sản dài hạn	1.450.739.665.157	1.466.434.770.411	101,1%
Các khoản phải thu dài hạn	1.279.665.737	1.350.714.667	105,6%
Tài sản cố định	1.386.932.999.731	1.367.398.036.499	98,6%
Tài sản dở dang dài hạn	11.627.649.169	43.305.933.942	372,4%
Đầu tư tài chính dài hạn	16.803.723.827	17.795.005.501	105,9%
Tài sản dài hạn khác	34.095.626.693	36.585.079.802	107,3%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.410.662.128.239	3.311.849.365.868	97,1%
Nợ phải trả	2.262.383.016.852	2.053.268.895.458	90,8%
Nợ ngắn hạn	2.140.259.253.642	1.857.915.809.666	86,8%
Nợ dài hạn	122.123.763.210	195.353.085.792	160,0%
Vốn chủ sở hữu	1.148.279.111.387	1.258.580.470.410	109,6%
Vốn góp của chủ sở hữu	297.705.780.000	327.473.390.000	110,0%

Thặng dư vốn cổ phần	137.974.546.380	137.974.546.380	100,0%
Vốn khác của chủ sở hữu	400.000.000	400.000.000	100,0%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(78.984.119.793)	(16.760.530.059)	21,2%
Quỹ đầu tư phát triển	304.237.070.786	320.941.689.722	105,5%
Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	11.565.362.132	22.784.707.452	197,0%
Lợi nhuận chưa phân phối	400.983.314.141	392.332.751.757	97,8%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	74.397.157.741	73.433.915.158	98,7%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN:	3.410.662.128.239	3.311.849.365.868	97,1%

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả đến 31/12/2025 giảm 9,2 % so với cùng kỳ, chủ yếu là giảm nợ vay ngắn hạn do lượng hàng tồn kho giảm.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

- Môi trường: Về cơ bản Công tác xử lý môi trường tất cả các đơn vị thực hiện tương đối tốt, các đơn vị được đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo phương pháp sục khí, tách bùn nước thải đạt chuẩn xả thải trước khi xả ra môi trường, các đơn vị chưa đầu tư theo phương pháp sục khí tách bùn thì chỉ tiêu nước thải chưa ổn định;

- Tiền lương: Trả tiền lương, thưởng... cho người lao động kịp thời, đúng quy chế của Công ty.

- Bảo hiểm: Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như BHXH, BHYT, BHTN.

- Công tác VSCN, PCCC, ATLĐ được củng cố và quan tâm, cảnh quan môi trường ngày càng được cải thiện.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2025 là năm khó khăn đối với ngành tinh bột sắn do tác động từ bối cảnh quốc tế và thị trường tiêu thụ. Kinh tế chính trị toàn cầu có nhiều bất ổn khi xung đột địa chính trị kéo dài và chính sách thuế của Mỹ làm cho căng thẳng thương mại gia tăng. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng thấp, giá ngô ở mức thấp, lượng tồn kho tinh bột sắn cao, làm cho giá tinh bột sắn thấp kéo dài, đến cuối năm giá tinh bột sắn có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn ở mức thấp. Cạnh tranh trong ngành gay gắt, nhất là với tinh bột sắn Thái Lan và Lào, tinh bột sắn biến tính còn chịu thêm áp lực do có thêm nhiều nhà máy mới tại Trung Quốc.

Vùng nguyên liệu sắn ở Thái Lan, Campuchia và Lào đều giảm 15-20% so với vụ trước. Do xung đột biên giới nên Thái Lan mất nguồn cung sắn từ Campuchia làm cho cạnh tranh nguyên liệu khu vực Nam Lào với Thái Lan ngày càng khốc liệt. Vùng nguyên liệu sắn trong nước giảm hơn 30% so với vụ trước do giá sắn giảm sâu, hiệu quả trồng sắn thấp; Cuối năm 2025 mưa bão kéo dài gây hư hại vùng nguyên liệu và ảnh hưởng đến các nhà máy trong lúc chính vụ.

Trong hoàn cảnh phức tạp đó HĐQT Công ty, Ban điều hành và tập thể người lao động đã thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh 2025 do ĐHCĐ giao. Ngoại trừ chỉ tiêu sản lượng tinh bột biến tính chỉ đạt 80% kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong điều kiện thị trường tiêu thụ gặp nhiều khó khăn, giá tinh bột sắn và bã sắn giảm sâu, vùng nguyên liệu giảm diện tích, giảm sản lượng, tồn kho tinh bột sắn cuối năm

2024 số lượng lớn,... cạnh tranh gay gắt với Thái Lan và Lào, nhất là cạnh tranh với bột biến tính sản xuất tại Trung quốc, nhiều doanh nghiệp tinh bột sản trong nước và khu vực hiệu quả rất thấp; Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý đã nỗ lực điều hành tương đối tốt hoạt động SX-KD, thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tập trung một số điểm như sau:

2.1. Về quản lý sản xuất – kinh doanh:

- Về thị trường: Công tác thị trường nói chung có nhiều chuyển biến tích cực, sản lượng tiêu thụ đạt 651.100 tấn, đạt 108,5% kế hoạch và đạt 137,3% so với năm trước. Đã phát triển thêm một số thị trường mới như: Indonesia, Ấn Độ, Châu Âu, Thái Lan, nội địa Lào...; Thị trường Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ tăng trưởng tốt cả tinh bột thường và tinh bột biến tính. Trung Quốc vẫn là thị trường chính chiếm 68,0% tổng sản lượng tiêu thụ. Đối với tinh bột biến tính do ngành thực phẩm khôi phục chậm, trong khi đó Trung Quốc và Việt Nam đầu tư xây dựng nhiều nhà máy mới, giá bột sản ở mức thấp làm cho thị trường biến tính cạnh tranh khốc liệt, sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 78,0% so với kế hoạch và 83,8% so với năm trước. Thị trường nội địa tiêu thụ tăng trưởng tốt, đạt 154,5% so với năm trước và đạt 101,4% so với kế hoạch 2025.

- Về sản xuất: Sản lượng tinh bột đạt cao nhờ tăng sản lượng ở các nhà máy tại Lào, sản lượng bột biến tính chưa đạt kế hoạch do thị trường giảm; Chất lượng sản phẩm đạt mục tiêu chất lượng và ngày càng ổn định, từng bước nâng thương hiệu APFCO trên thị trường, cạnh tranh với Thái Lan; Hiệu suất chế luyện tuy có giữ ở mức như năm 2024 nhưng một số nhà máy chưa đạt kế hoạch đề ra;

- Vốn và quản lý vốn: Đảm bảo được nguồn vốn vay, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhất là thời điểm chính vụ, tồn kho cao (tháng 3/2025); Cân đối sử dụng vốn hợp lý, tiết kiệm chi phí. Mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước. Hợp tác với Ngân hàng Vietcombank Lào tài trợ vốn đầu tư xây dựng Nhà máy mới tại Lào. Trình HĐQT ban hành Quy chế tài chính.

- Về công tác quản lý – lao động: Thực hiện việc đổi mới, sáp nhập các đơn vị trong toàn hệ thống APFCO từ ngày 01/7/2025. Thành lập phòng Nghiên cứu – Phát triển, sáp nhập phòng Đầu tư – Sản xuất và phòng Công nghệ - Môi trường thành phòng Kỹ thuật – Công nghệ ở Văn Phòng Công ty; Sắp xếp hợp nhất các phòng Kinh tế - Tổng hợp và phòng Tài chính - Kế toán thành phòng Kinh tế - Tài chính ở các nhà máy. Sắp xếp gọn các tổ thuộc phòng Kỹ thuật - Sản xuất ở các nhà máy. Bộ máy mới đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả.

2.2. Về đầu tư và phát triển:

- Đầu tư cải tạo nâng cấp nhà xưởng để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn VSATTP tại các Nhà máy tinh bột sản Đắk Song; Đồng Phú và Đồng Xuân; Đầu tư mở rộng kho thành phẩm tại Công ty Taoy.

- Đầu tư hệ thống PCCC tại Nhà máy Gia Lai (CS1) và Nhà máy Quảng Ngãi (CS2), đảm bảo cho công tác PCCC và thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Đầu tư Phát điện từ Biogas công suất 1.5MW tại Công ty Attapeu dự kiến đưa vào sử dụng trong năm 2026; Đầu tư hồ CIGAR 3 tại Nhà máy Attapeu đã hoạt động sinh gas hiệu quả.

- Dự án Nhà máy chế biến bột sắn Pathoumphone, tỉnh Champasack đã dừng thực hiện theo quyết định của HĐQT do một số điều kiện chưa phù hợp

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2026:

- Tình hình kinh tế chính trị toàn cầu ngày càng bất ổn, xung đột kéo dài làm cho thương mại toàn cầu sụt giảm;
- Thị trường Trung Quốc dự báo ổn định hơn; Giá tinh bột sắn năm 2026 dự báo phục hồi;
- Nguồn nguyên liệu Việt Nam thiếu nhưng có khả năng phục hồi nhẹ vào vụ 2026-2027 nhưng nguy cơ cạnh tranh về giá nguyên liệu đầu vào cao.

3.1. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1. Tổng doanh thu	Triệu đồng	6.200.000
2. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	110.000
3. Khấu hao	Triệu đồng	90.000
4. LN sau thuế Công ty mẹ (HN)	Triệu đồng	175.000
5. Khấu hao hợp nhất	Triệu đồng	155.000
6. Vốn điều lệ	Triệu đồng	360.220
7. Cổ tức	Đồng/CP	2.500-3.000
8. Thu nhập (người/tháng)	1.000đ	13.500
9. Sản phẩm tinh bột sắn	Tấn	570.000
9.1 Công ty mẹ sản xuất:	Tấn	278.000
- Tinh bột thường	Tấn	198.000
- Tinh bột biến tính	Tấn	80.000
9.2 Công ty con, liên kết:	Tấn	292.000
10. Cồn thực phẩm	m3	12.000

3.2 Một số định hướng chủ yếu.

3.2.1. Nguyên liệu: Tập trung mua nguyên liệu đảm bảo sản xuất 570.000 tấn tinh bột; Triển khai xác lập đại lý mua sắn tươi Campuchia để bù số nguyên liệu thiếu hụt vụ 2025-2026 đồng thời chuẩn bị cho các vụ kế tiếp; Đầu tư để tăng diện tích trồng sắn vụ 2026-2027 trong nước; Chú trọng đầu tư và giữ vùng nguyên liệu cho các Nhà máy tại Lào.

3.2.2. Thị trường - Khách hàng: Trực tiếp xúc tiến cùng khách hàng bán hàng đến người tiêu dùng cuối và khách hàng sản xuất; Linh hoạt về giá bán và chính sách phù hợp với tập quán thương mại để xây dựng và phát triển thị trường ngách các nước Nam Á, Châu Âu và Mỹ;

3.2.3. Tinh bột biến tính: Ưu tiên nguồn lực để phát triển thị trường và sản xuất đạt 80.000 Tấn SP năm; Chuẩn hóa về chất lượng; Đồng thời điều chỉnh chất lượng sản phẩm cho phù hợp với từng thị trường. Linh hoạt giá bán để cạnh tranh tăng sản lượng tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc;

3.2.4. Nghiên cứu phát triển:

- Hoàn chỉnh quy trình sản xuất tương ứng với từng điều kiện nguyên liệu để sản phẩm có đặc trưng và chất lượng ổn định;

- Nghiên cứu học tập về điều khiển tự động tại Nhà máy Taoy và sản xuất điện từ Biogas tại Nhà máy Attapeu nhằm triển khai áp dụng trong các nhà máy của Công ty;

- Khảo sát tiềm năng vùng sản Campuchia.

3.2.5. Đầu tư:

- Khảo sát và lập dự án đầu tư nhà máy tinh bột biến tính tại huyện Nong tỉnh Savannakhet – Lào, công suất 200 tấn SP/ngày, chuẩn bị các điều kiện để khởi công xây dựng vào cuối năm 2026;

- Nghiên cứu, tính toán đầu tư hạ tầng điện cho các nhà máy tại Lào.

- Tiếp tục nâng cấp hạ tầng và thiết bị tại một số đơn vị đảm bảo VSATTP. Trong năm 2026 đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị các nhà máy Đăk Tô, Sêpon và Attapeu đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn HACCP;

3.2.6. Quản lý, lao động và tiền lương.

- Tuyển dụng mới lao động cho nghiên cứu phát triển, kỹ thuật và thị trường;

- Đào tạo: Tự đào tạo và hợp đồng với trường Đại học, cao đẳng; Chú trọng đào tạo kinh tế ngành, chính sách pháp luật về tài chính, thuế, môi trường.

- Đổi mới cơ chế và cách trả lương nhằm thu hút và giữ lao động nghiên cứu phát triển, kỹ thuật và thị trường.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số; Triển khai thực hiện Quy chế tài chính.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Ông: Võ Văn Danh	Chủ tịch HĐQT	5,73%
2	Ông: Trần Ngọc Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	2,06%
3	Ông: Nguyễn Đức Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT không điều hành	6,94%
4	Ông: Đồng Văn Lập	Thành viên HĐQT	0,89%
5	Ông: Lê Ngọc Hình	Thành viên HĐQT	1,69%
6	Ông: Lê Tuấn Toàn	Thành viên HĐQT không điều hành	2,92%
7	Ông: Trần Đức Thạch	Thành viên HĐQT	1,18%

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị 2025:

- Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 phiên họp tại trụ sở chính của Công ty. Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Tất cả các Nghị quyết, Quyết định

của HĐQT đều tuân thủ Nghị quyết ĐHCĐ 2025, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. HĐQT đã ban hành 77 Nghị quyết và Quyết định liên quan đến các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, quản lý, nhân sự.

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT có 1 tiểu ban trực thuộc là Tiểu ban xây dựng cơ bản (Ban Đầu tư), gồm các thành viên sau:

- Ông: Trần Ngọc Hải - Phó Chủ tịch HĐQT, TGD - Trưởng Ban;
- Ông: Lê Ngọc Hinh - Thành viên HĐQT, Phó TGD - Thành viên;
- Ông: Đồng Văn Lập - Thành viên HĐQT, Phó TGD - TV;
- Ông: Phạm Quốc Tài - Kế toán trưởng - TV;
- Ông: Võ Quang Trực - Phó Phòng Kỹ thuật - Công nghệ - TV.

- Hoạt động của Ban đầu tư: Ban đầu tư đã tổ chức 9 cuộc họp tại văn phòng Công ty để thực hiện nhiệm vụ về quản lý công tác đầu tư xây dựng, trong năm 2025 đã trình HĐQT 16 Báo cáo thẩm định và ban hành 8 Quyết định theo thẩm quyền.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Ông: Phạm Văn Lâm	Trưởng ban	0,25%
2	Ông: Nguyễn Thanh	Thành viên	0,53%
3	Ông: Nguyễn Văn Thái	Thành viên	0,47%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp nhằm triển khai nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2025; triển khai, thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của BKS; tham gia và thống nhất công việc của Ban trong một số lĩnh vực trọng yếu như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ; quy định nội bộ về quản trị Công ty và công bố thông tin của Công ty theo qui định của UBCK Nhà Nước và Điều lệ Công ty.

- Xem xét tính hợp pháp, hợp lý về trình tự và nội dung ban hành, sửa đổi, bổ sung các nghị Quyết, quyết định của HĐQT, Quyết định của Tổng Giám đốc Công ty.

- Thực hiện giám sát HĐQT trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2025 và việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định và kế hoạch hoạt động SXKD của HĐQT trong năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, trực tiếp phân tích, trao đổi, góp ý, có quan điểm cụ thể rõ ràng tại cuộc họp và đề xuất, kiến nghị với Tổng Giám đốc trong công tác điều hành nhằm phòng ngừa các yếu tố rủi ro và đều được ghi nhận.

- Tham gia chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán một số dự án đầu tư của Công ty. Trực tiếp làm việc, trao đổi với Công ty kiểm toán khi kết thúc đợt kiểm toán để nắm bắt các tồn tại cần khắc phục, để kiến nghị Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

- Thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 được ĐHCĐ phê duyệt là 1,2 tỷ đồng. Trong đó phân phối cho HĐQT là 936 triệu đồng, thù lao của các thành viên HĐQT: từ 9,5 - 16,5 triệu đồng/người/tháng;

- Tiền thưởng vượt kế hoạch: Năm 2025 không có tiền thưởng do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 không vượt kế hoạch.

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc: 58 - 80 triệu đồng/người/tháng.

b) Ban Kiểm soát:

- Tiền thù lao các thành viên BKS trong năm 2025 như sau:

+ Trưởng BKS là: 9,5 triệu đồng/ tháng

+ Thành viên BKS là: 5,5 triệu đồng/tháng

- Tiền thưởng vượt kế hoạch: Năm 2025 không có tiền thưởng do kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 không vượt kế hoạch.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan, cổ đông lớn đối với cổ phiếu của công ty: *Có Phụ lục số 01 kèm theo.*

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2025 được đăng tải tại Website: apfco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Báo cáo tài chính.

Nơi nhận: *[Handwritten signature]*

- Nhu trên;
- Công bố website Cty;
- Lưu: VT,TK.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Hải

**C.TY CP NÔNG SẢN THỰC PHẨM
QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC SỐ 01
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (21/3/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (19/3/2026)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Võ Văn Danh		1.705.612	5,73%	1.876.172	5,73%	Nhận cổ tức
1.1	Đặng Mỹ Ái Hoa	Vợ	412.239	1,38%	453.462	1,38%	Nhận cổ tức
1.2	Võ Đặng Thục Khang	Con đẻ	61.226	0,21%	68.467	0,21%	Nhận cổ tức
1.3	Đoàn Ngọc Hùng	Con rể	251.791	0,85%	276.970	0,85%	Nhận cổ tức
2	Trần Ngọc Hải		613.399	2,06%	674.738	2,06%	Nhận cổ tức
2.1	Trần Thùy Dương	Con đẻ	30.613	0,10%	33.674	0,10%	Nhận cổ tức
2.2	Trần Ánh Dương	Con đẻ			33.000	0,10%	Mua
3	Nguyễn Đức Thắng		2.067.375	6,94%	2.274.112	6,94%	Nhận cổ tức
3.1	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Vợ	300.520	1,01%	330.572	1,01%	Nhận cổ tức
4	Đông Văn Lập		263.518	0,89%	289.869	0,89%	Nhận cổ tức
4.1	Phạm Thị Minh Sương	Vợ	600	0,00%	5.650	0,02%	Mua
5	Lê Ngọc Hình		500.000	1,68%	555.000	1,69%	Nhận cổ tức

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (21/3/2025)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (19/3/2026)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
5.1	Lê Ngọc Hiền	Con đẻ			10.500	0,03%	Mua
6	Lê Tuấn Toàn		1.022.809	3,44%	955.089	2,92%	Bán
6.1	Ngô Thị Lạc	Vợ	21.428	0,07%	21.200	0,06%	Bán
6.2	Lê Ngô Tuấn An	Con đẻ	1.982	0,01%	171.880	0,52%	Mua
6.3	Phạm Thị Hoa	Con dâu	11.316	0,04%	11.017	0,03%	Bán
7	Trần Đức Thạch		351.601	1,18%	386.761	1,18%	Nhận cổ tức
7.1	Trần Thị Nhung	Vợ			24.600	0,08%	Mua
7.2	Nguyễn Duy Thiêm	Em rể	68.814	0,23%	79.258	0,24%	Nhận cổ tức, Mua
8	Phạm Quốc Tàu		119.477	0,40%	140.200	0,43%	Nhận cổ tức, Mua
9	Phạm Văn Lâm		119.018	0,40%	81.000	0,25%	Bán
	Phạm Thị Thanh Chung	Vợ			27.000	0,08%	Mua
10	Nguyễn Thạnh		152.692	0,51%	174.246	0,53%	Nhận cổ tức, Mua
10.1	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Vợ	103.131	0,35%	113.444	0,35%	Nhận cổ tức
10.2	Nguyễn Hồng Hiền	Con đẻ	10.520	0,04%	11.572	0,04%	Nhận cổ tức
11	Nguyễn Văn Thái		140.284	0,47%	154.312	0,47%	Nhận cổ tức
11.1	Nguyễn Văn Thụ	Anh ruột	2.777	0,01%	244	0,00%	Bán